


Kế toán Ngân hàng thương mại



Người trình bày: Ths Đinh Đức Thịnh
Chủ nhiệm Bộ môn Kế toán Ngân hàng
Học viện Ngân hàng



Kế toán nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các Ngân hàng

- *Các văn bản pháp lý cũ liên quan*
- *QĐ số 24/2001/QĐ-NHNN của Thành Đoàn NHNN về việc ban hành quy chế chuyển tiền liên tổ.*
- *QĐ số 134/2000/QĐ-NHNN2 ngày 18/4/2000 của Thành Đoàn NHNN về việc ban hành Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ Chuyển tiền liên tổ của NHNN.*
- *ND 64/2001/ND-CP của Chính Phủ ngày 20/9/2001 về hoạt động thanh toán qua các tài khoản cung ứng dịch vụ thanh toán.*
- *QĐ số 226/2002/QĐ-NHNN của Thành Đoàn NHNN ngày 26/3/2002 về việc ban hành quy trình kỹ thuật hạch toán nghiệp vụ thanh toán khi ứng dụng tiền mặt qua các tài khoản cung ứng dịch vụ thanh toán.*
- *QĐ số 44/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ngày 21/3/2002 về việc số đông chứng từ liên tổ lùm chứng từ kế toán có hạch toán vụ thanh toán trên của các Tài khoản cung ứng dịch vụ thanh toán.*
- *QĐ số 1557/2001/QĐ-NHNN của Thành Đoàn NHNN ngày 14/12/2001 về việc ban hành quy chế thanh toán giữa liên ngân hàng.*
- *QĐ số 212/2002/QĐ-NHNN của Thành Đoàn NHNN ngày 20/3/2002 về việc ban hành quy trình kỹ thuật nghiệp vụ thanh toán giữa liên ngân hàng.*



Những vấn đề chung

Khái niệm: Là nghiệp vụ thanh toán qua lại giữa các NH nhằm tiếp tục quá trình thanh toán tiền giữa các đơn vị, TCKT, cá nhân với nhau mà họ không cùng mở TK tại một NH và thanh toán vốn nội bộ giữa các đơn vị trong hệ thống NH

■ Ý nghĩa

- *Thực hiện tốt nghiệp vụ thanh toán vốn giữa các NH cũng là quá trình mà chúng ta đáp ứng tốt các yêu cầu của thanh toán KDTM*
- *Các NHTM, các TCTD có thể sử dụng tối đa nguồn vốn huy động được để đầu tư nhằm tối đa hoá P*
- *Thanh toán vốn giữa các NH góp phần đáng kể vào việc tiết kiệm chi phí trong quá trình tập trung và phân phối vốn.*
- *Thanh toán vốn giữa các Ngân hàng tốt sẽ tạo điều kiện cho các NHTM tăng khả năng tạo tiền*
- *Thanh toán vốn giữa các Ngân hàng ngày càng phát triển làm tăng cường vai trò kiểm soát Ngân hàng Nhà nước về chu chuyển tiền tệ trong nền kinh tế được tốt hơn*



Các hệ thống thanh toán, chuyển vốn giữa các NH

- *Hệ thống T.Toán vốn giữa các NH của VN*
 - Phương thức thanh toán liên hàng (T.thống và điện tử)
 - Phương thức thanh toán bù trừ
 - Phương thức thanh toán qua tiền gửi NHNN
 - Phương thức thanh toán song biên
 - Ủy nhiệm thu, chi hộ giữa hai chi nhánh
 - Mở tài khoản tại nhau để thanh toán
- *Một số hệ thống thanh toán với nước ngoài*
 - Hệ thống thanh toán liên hàng (Interbank).
 - Hệ thống thanh toán bù trừ (Clearing).
 - Thanh toán qua mạng SWIFT.(Society for worldwide

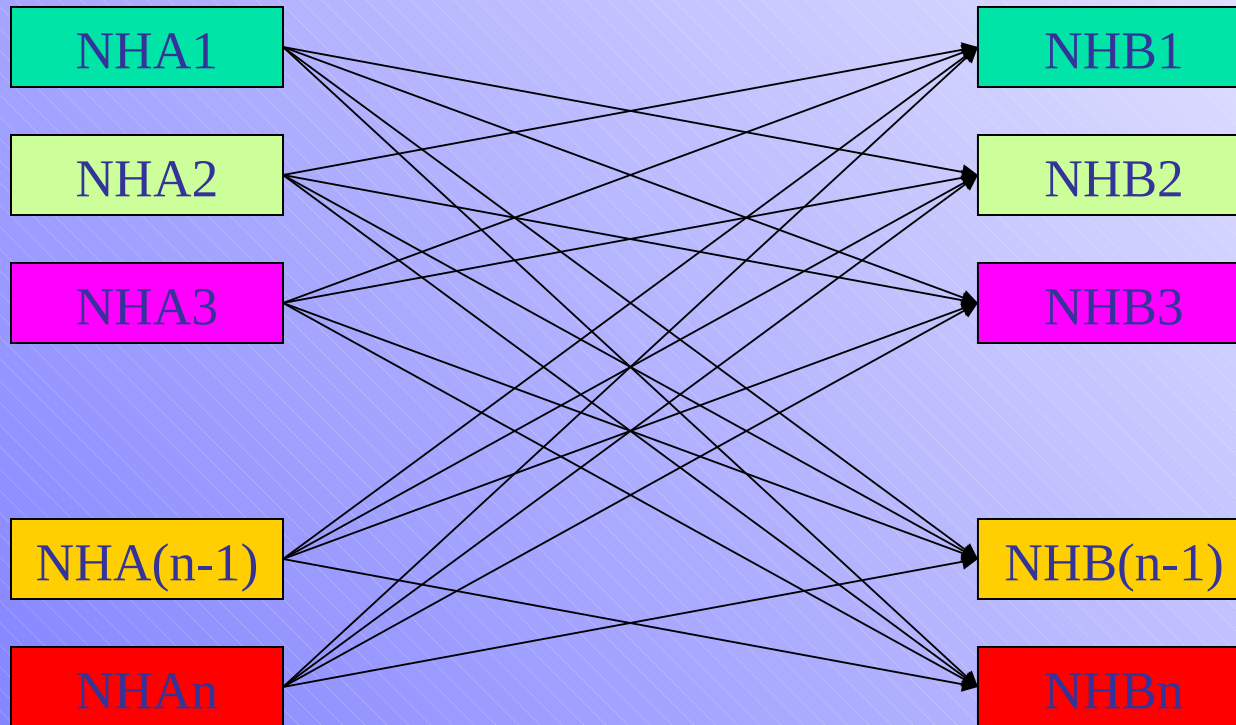


Các phương thức tổ chức kiểm soát & đối chiếu trong hoạt động thanh toán liên hàng

- Phương thức Kiểm soát phân tán đối chiếu phân tán (1951-1957)
- Phương thức Kiểm soát tập trung - đối chiếu tập trung (1958-1963)
- Phương thức Kiểm soát tập trung - đối chiếu phân tán (1963-1991)
- Phương thức kiểm soát tập trung - đối chiếu tập trung (1991-1993)
- Phương thức Kiểm soát tập trung - đối chiếu phân tán (1993)
- Phương thức kiểm soát & đối chiếu tập trung (từ 1994 đến nay)

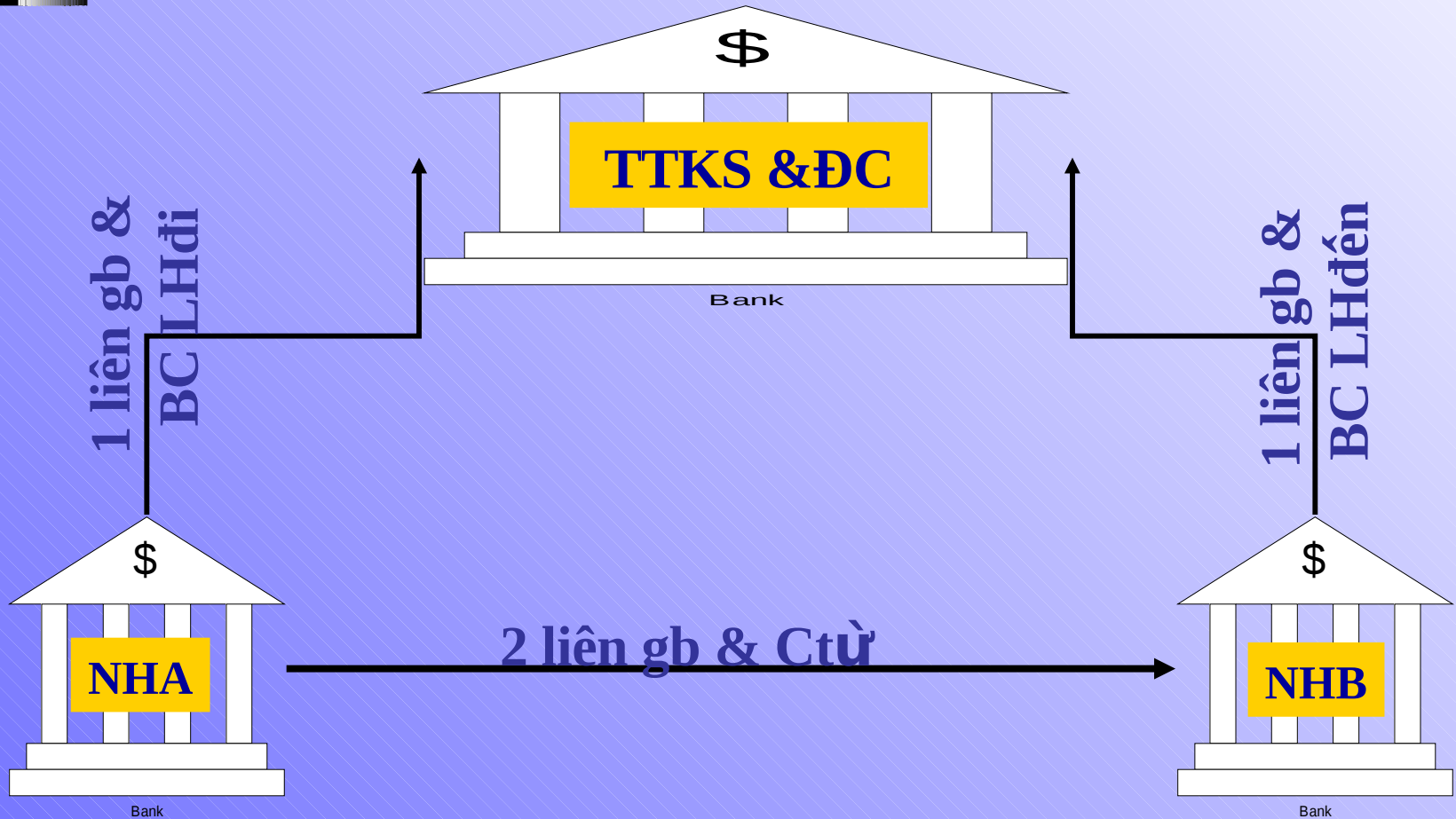


Phương thức Kiểm soát phân tán đối chiếu phân tán (1951 - 1957)



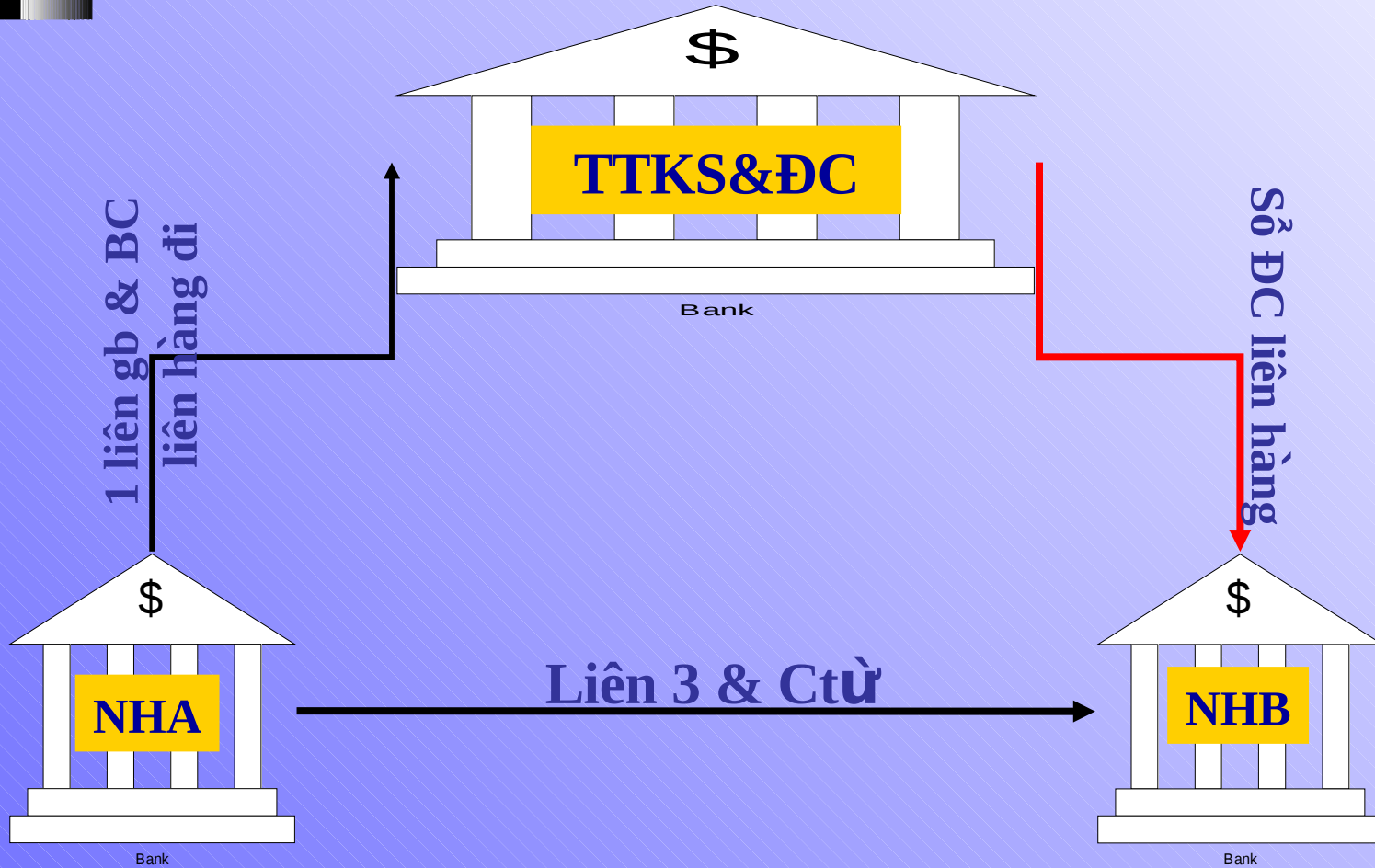


Kiểm soát tập trung, đối chiếu tập trung (1958 - 1963)



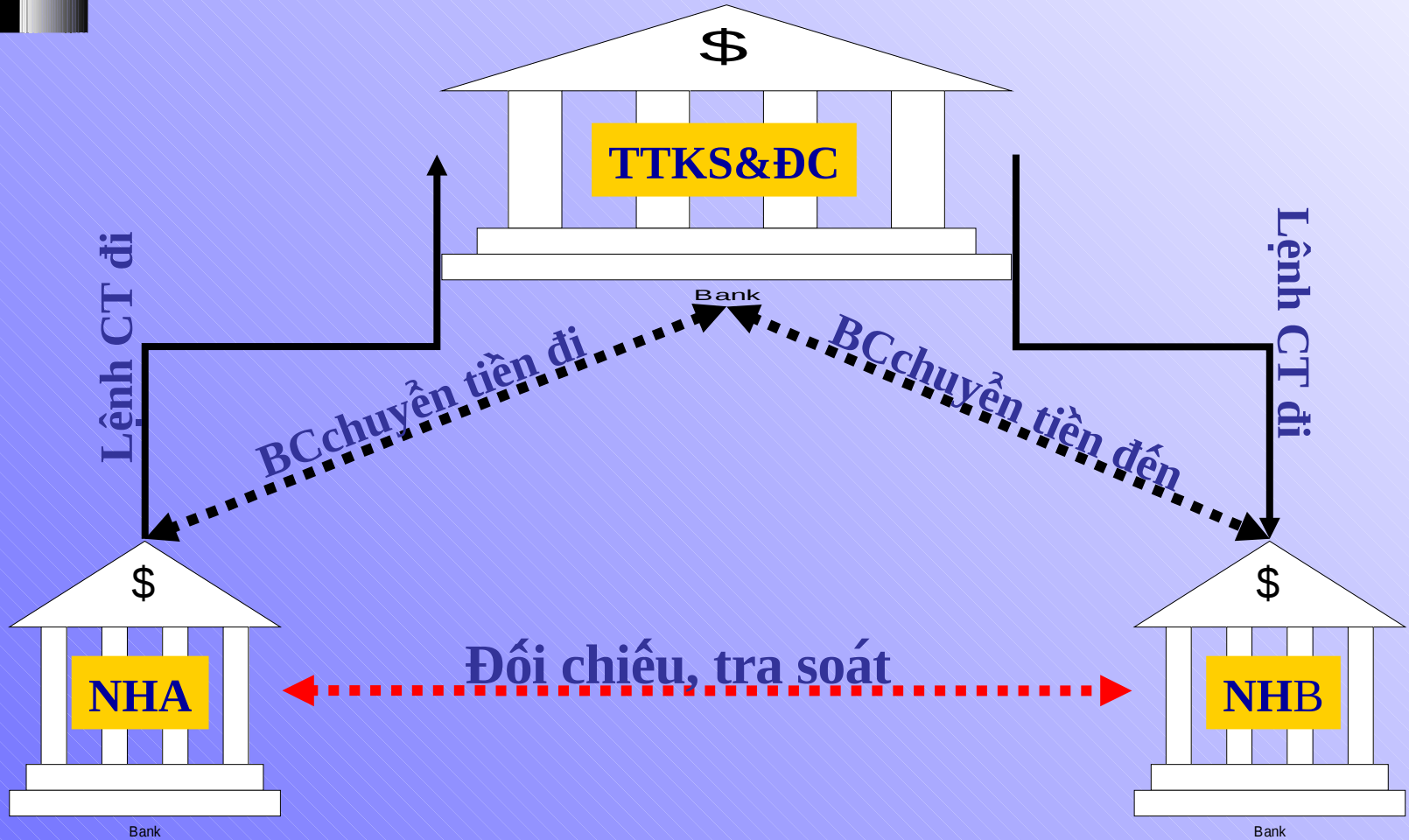



Kiểm soát tập trung, đối chiếu phân tán





Kiểm soát & Đối chiếu tập trung





Kế toán thanh toán liên chi nhánh Ngân hàng (chuyển tiền điện tử)

- Khái niệm: Thanh toán liên hàng là việc thanh toán, chuyển vốn nội bộ giữa các đơn vị chi nhánh Ngân hàng trong cùng hệ thống
- Lịch sử phát triển:
 - Thanh toán liên hàng truyền thống: phát triển qua nhiều giai đoạn:
 - Theo phương thức kiểm soát và đối chiếu
 - Theo cách thức chuyển giao Giấy báo liên hàng, chứng từ thanh toán
 - Phương thức chuyển tiền qua mạng máy tính
 - Phương thức chuyển tiền điện tử
 - Phương thức thanh toán điện tử
 - Phương thức thanh toán tập trung tại HO



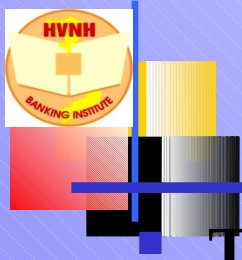
Kế toán chuyển tiền điện tử

- **Khái niệm:** *Chuyển tiền điện tử được hiểu là toàn bộ quá trình xử lý một khoản chuyển tiền qua mạng máy vi tính kể từ khi nhận được một Lệnh chuyển tiền của người phát Lệnh đến khi hoàn tất việc thanh toán cho người thụ hưởng hoặc thu nợ từ người nhận Lệnh*
- **Đặc điểm:**
 - Được hoạt động trong môi trường pháp lý và chuẩn hóa cao
 - Các công đoạn trong quy trình CTĐT chủ yếu được tự động hóa
 - Phần tính ký hiệu mật được cài đặt một chương trình riêng với mức độ đòi hỏi tính bảo mật hết sức nghiêm ngặt, thanh toán CTĐT đạt độ an toàn tài sản rất cao
 - Quá trình thanh toán chuyển tiền, tra soát, trả lời tra soát, chấp nhận...được chương trình xử lý tự động do đó đảm bảo tính chính xác cao độ.

Những quy định cơ bản trong CTĐT



- Các bên tham gia trong chuyển tiền @iOn tổ:
 - Ng-êi ph,t lÖnh:
 - Ng-êi nhËn lÖnh:
 - Ng©n hµng A:
 - Ng©n hµng B:
 - Ng©n hµng trung gian:
- Các LÖnh chuyển tiền:
 - LÖnh chuyển Cã:
 - LÖnh chuyển Nĩ cũ uê quyÒn:
 - LÖnh Huê lÖnh chuyển Nĩ:
 - Yªu cÇu Huê lÖnh chuyển Cã:
 - Thø tù gõi LÖnh:



Tài khoản sử dụng

Tài khoản điều chuyển vốn – 5191

- *Tài khoản điều chuyển vốn trong kế hoạch – 5191.01*
- *Tài khoản điều chuyển vốn ngoài kế hoạch – 5191.02*
- *Tài khoản điều chuyển vốn chờ thanh toán – 5191.08*

■ Nhóm tài khoản chuyển tiền tại Chi nhánh:

- *Tài khoản chuyển tiền đi năm nay – 5111*
- *Tài khoản chuyển tiền đến năm nay – 5112*
- *Tài khoản đến có sai sót chờ xử lý – 5113*

■ Nhóm tài khoản chuyển tiền tại Hội Sở:

- *TK chuyển tiền đi năm nay tại HSỞ - 5131*
- *TK chuyển tiền đến năm nay tại HSỞ - 5132*
- *TK chuyển tiền đến năm nay chờ xử lý tại HSỞ - 5133*



Tài khoản sử dụng

TK điều chuyển vốn – 5191

- **Nội dung:** Dùng để hạch toán số vốn điều chuyển đi, số vốn điều chuyển đến giữa Hội sở chính với các chi nhánh trong cùng hệ thống.
- Tài khoản này mở tại Hội sở chính & các chi nhánh Ngân hàng tham gia thanh toán điện tử. Tại H.O tài khoản 5191 mở cho từng chi nhánh trực thuộc có quan hệ điều chuyển vốn. Tại các chi nhánh mở tài khoản theo Hội sở chính

TK điều chuyển vốn

| Số vốn điều chuyển đi | Số vốn điều chuyển đến |
|-----------------------|------------------------|
| <u>DN:</u> | <u>DC:</u> |



Tài khoản sử dụng

TK điều chuyển vốn - 5191

Số vốn điều chuyển đi

- LCNợ đi

- LCCó đến

Số vốn điều chuyển

- LCCó đến
đến
đi

- LCNợ đến

DN:

hoặc

DC:



Tài khoản sử dụng

- TK điều chuyển vốn chờ thanh toán – 5191.08
- Nội dung: phản ánh các Lệnh thanh toán đến có sai sót chờ xử lý

TK 5191.08

- LCNợ đến có sai sót
chờ xử lý

- LCCó đến có sai sót
đã xử lý

- LCNợ đến có sai sót
đã xử lý

- LCCó đến có sai sót
chờ xử lý

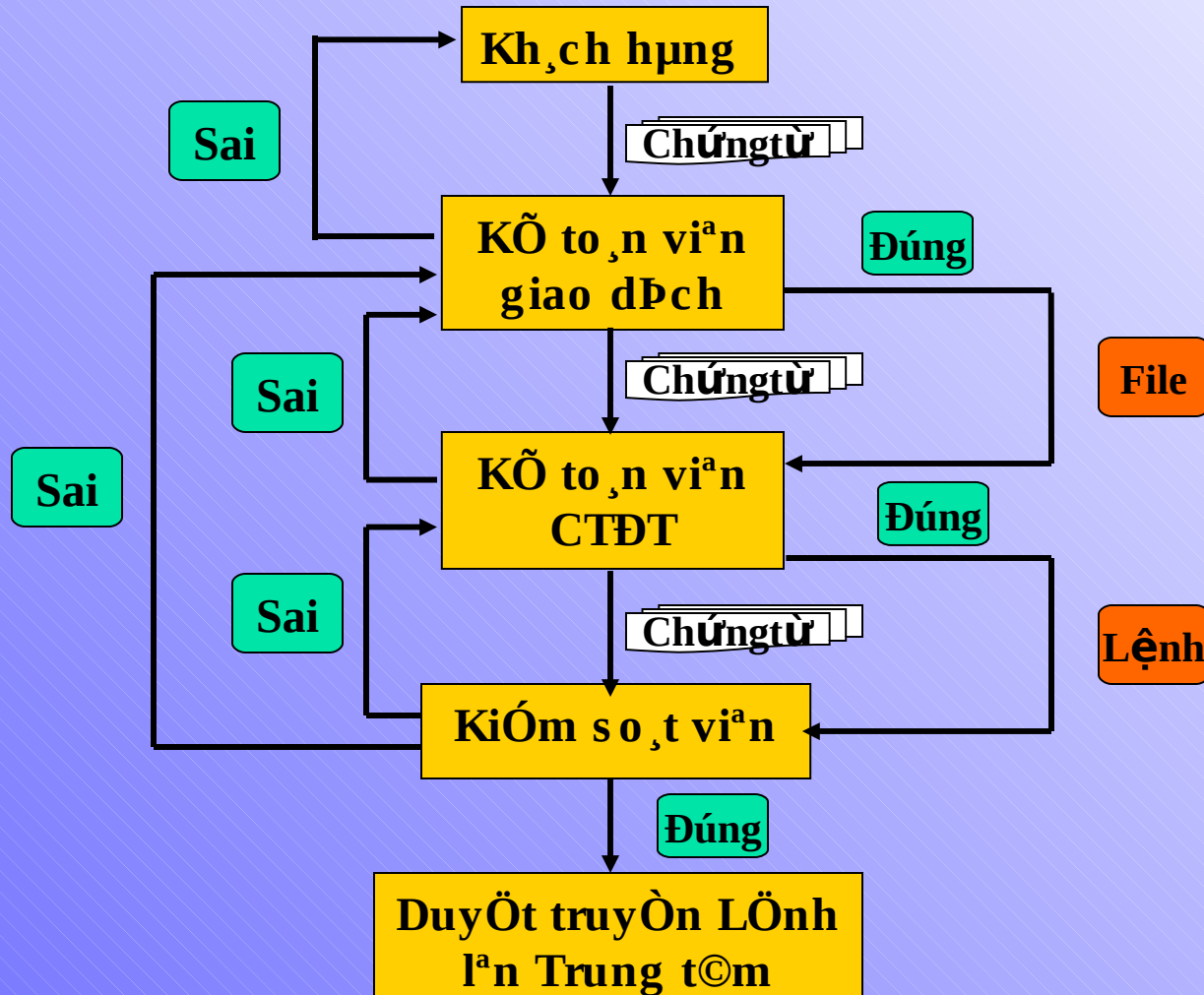
DN: LCNợ đến có sai
sót chưa xử lý

DC: LCCó đến có sai sót
chưa xử lý



Thanh toán chuyển tiền tại NHA

■ Kiểm soát và lập Lệnh chuyển tiền đi:





Thanh toán chuyển tiền tại NHA

TK t.hợp/KH

TK 5191

TK t.hợp/KH

Lệnh chuyển Nợ đi



(Ctù đã đb k/n tto)

TK 4599/KH

Lệnh chuyển Có đi



Nhận t.báo CNLCN



Lệnh chuyển Nợ đi

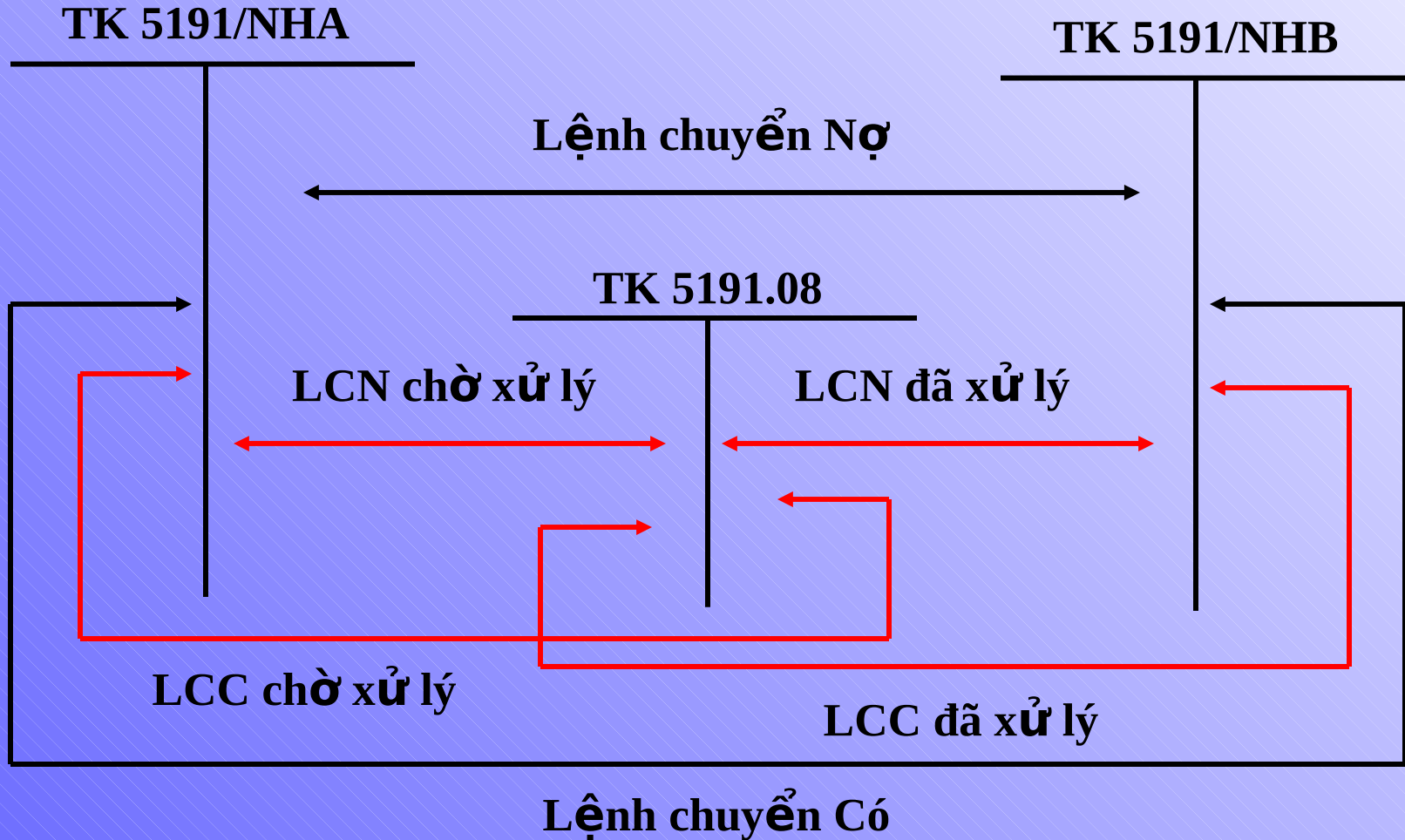


(Ctù chưa đb k/n tto)



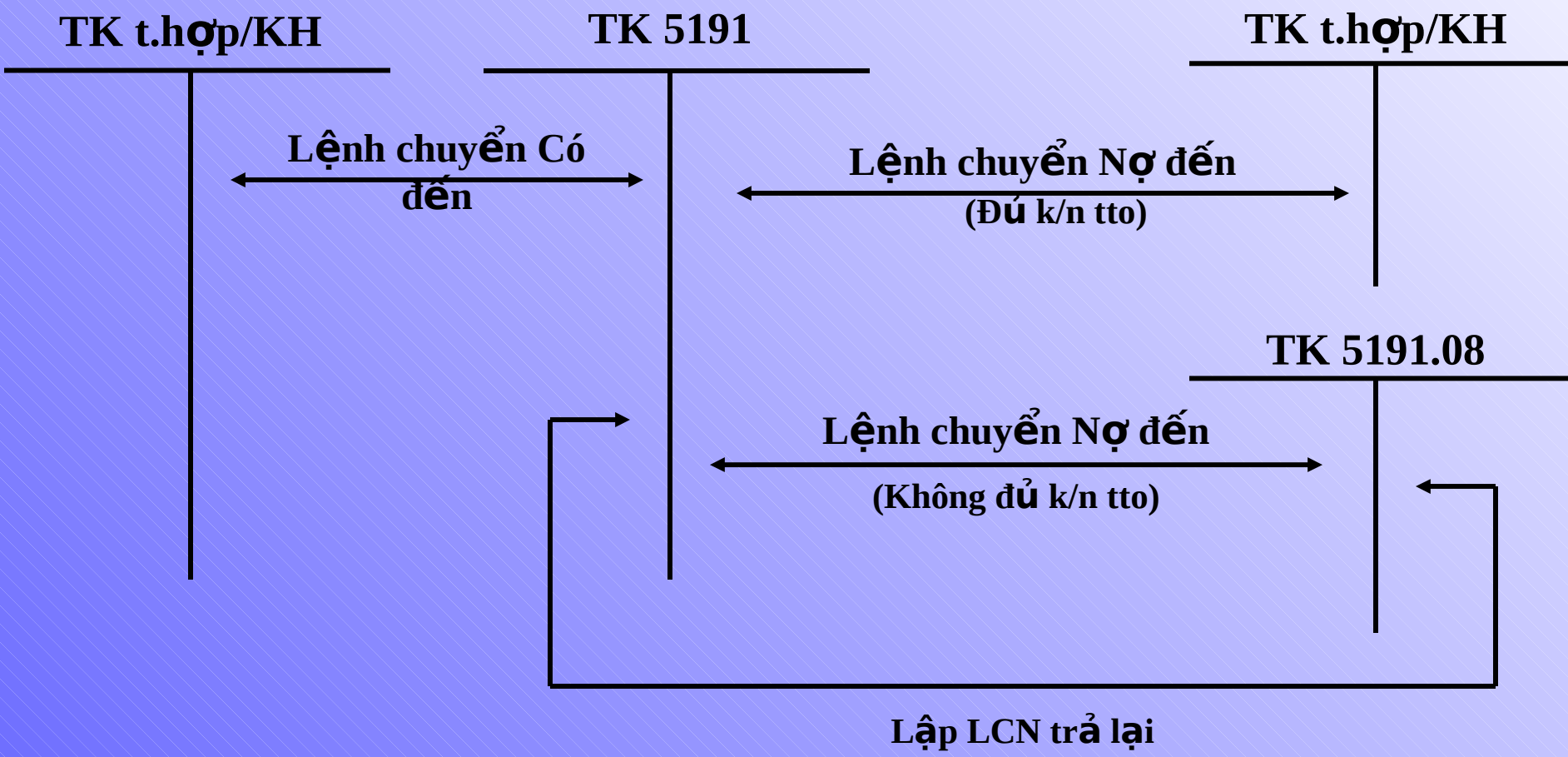
Tại trung tâm thanh toán

Nhận **Lệnh** đến từ NHA, KS và truyền tiếp **Lệnh** đi NHB





Thanh toán chuyển tiền tại NHB





Đối chiếu trong CTĐT

- Việc đối chiếu chuyển tiền được thực hiện cho từng ngày riêng biệt kết thúc khớp đúng ngay trong ngày
- Các đơn vị lập và gửi Báo cáo chuyển tiền trong ngày tới Trung tâm
- Trung tâm Kiểm soát và đối chiếu thực hiện đối chiếu khớp đúng các Lệnh chuyển tiền trong toàn hệ thống.



Đối chiếu trong CTĐT

- Kết quả đối chiếu khớp đúng phải đảm bảo:

| | | |
|--|---|--|
| Tæng sè chuyÓn tiÒn ®i cña c, c ®-n vP NH trong nguy <i>(sè măn vµ sè tiÒn)</i> | = | Tæng sè chuyÓn tiÒn ®Õn Trung t©m trong nguy <i>(sè măn vµ sè tiÒn)</i> |
|--|---|--|

| | | |
|---|---|--|
| Tæng sè chuyÓn tiÒn do Trung t©m ® chuyÓn ®i cho c, c ®-n vP NH trong nguy <i>(sè măn vµ sè tiÒn)</i> | = | Tæng sè chuyÓn tiÒn ®Õn c, c ®-n vP NH ® nhËn ®-íc trong nguy <i>(sè măn vµ sè tiÒn)</i> |
|---|---|--|



Đối chiếu trong CTĐT

| | | | | | | |
|---|---|--|---|---|---|---|
| Tæng sè chuyón tiÒn ®i cña Trung t©m trong nguy (sè măn vµ sè tiÒn) | = | Tæng sè chuyón tiÒn ®Ön Trung t©m trong nguy (sè măn vµ sè tiÒn) | + | Tæng sè chuyón tiÒn ®Ön ché xö lý cña (nh÷ng) nguy h«m tr-íc ®-íc xö lý trong nguy t ¹ i Trung t©m (sè măn vµ sè tiÒn) | - | Tæng sè chuyón tiÒn ®Ön ché xö lý ph,t sinh trong nguy t ¹ i Trung t©m (sè măn vµ sè tiÒn) |
|---|---|--|---|---|---|---|

| | | | | | | |
|---|---|--|---|---|---|---|
| Tæng sè chuyón tiÒn ®i cña c,c ®-n vP NH trong nguy (sè măn vµ sè tiÒn) | = | Tæng sè chuyón tiÒn ®Ön cña c,c ®-n vP NH trong nguy (sè măn vµ sè tiÒn) | + | Tæng sè chuyón tiÒn ®Ön ché xö lý ph,t sinh (múi) trong nguy t ¹ i Trung t©m (sè măn vµ sè tiÒn) | - | Tæng sè chuyón tiÒn ®Ön ché xö lý cña (nh÷ng) nguy h«m tr-íc ®-íc xö lý trong nguy t ¹ i Trung t©m (sè măn vµ sè tiÒn) |
|---|---|--|---|---|---|---|



Điều chỉnh sai sót trong CTĐT

- **Nguyên tắc:**
 - Đảm bảo sự thống nhất số liệu giữa NHA, Trung tâm thanh toán và NHB
 - Sai lầm ở đâu phải do bộ phận đó, NH đó sửa sai, tuyệt đối không sửa sai hộ

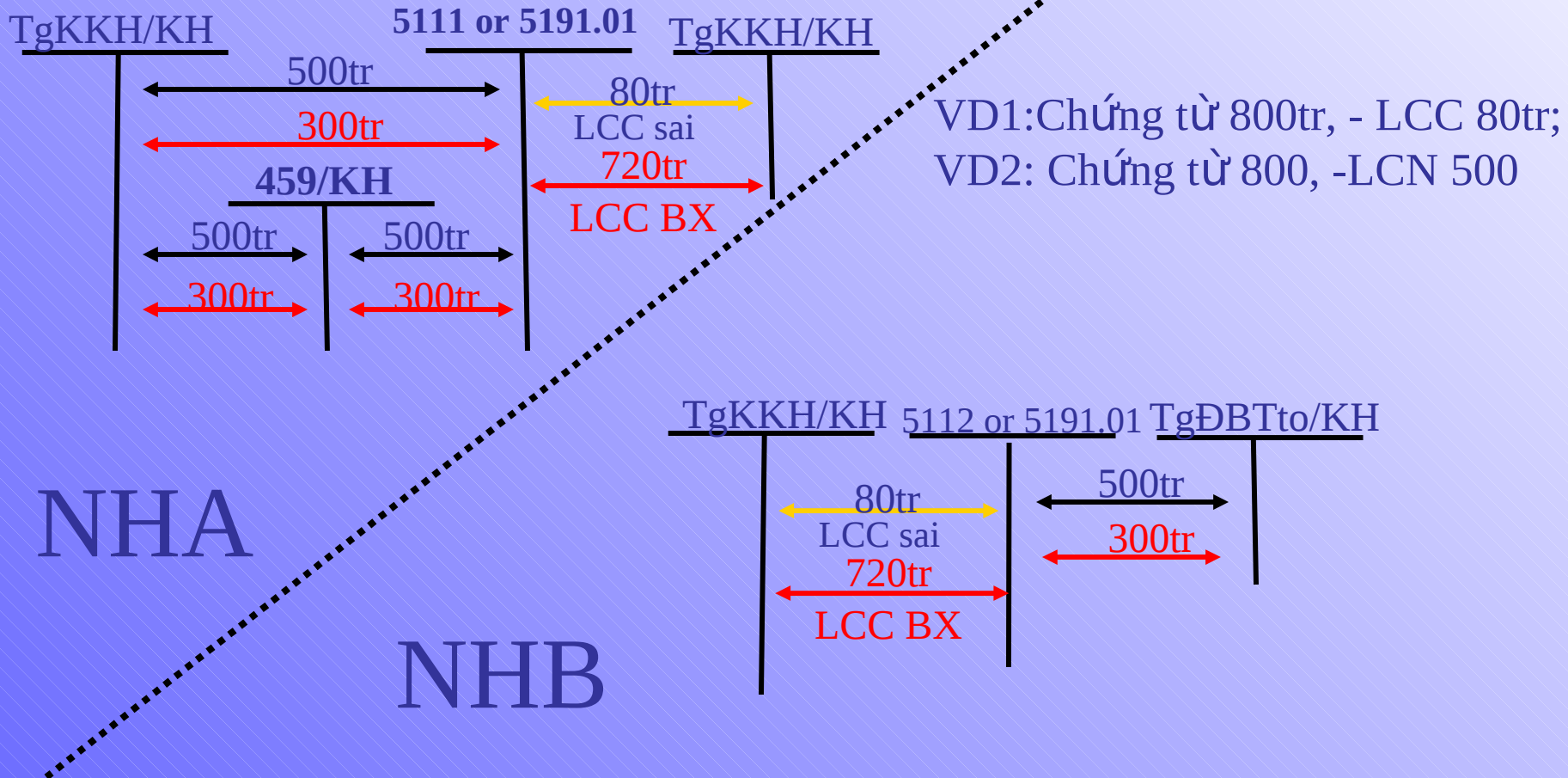


Điều chỉnh sai sót tại NHA

- Sai thiếu: $ST \text{ trên Lệnh} < ST \text{ trên Ctừ}$
 - => Lập Lệnh chuyển tiền bổ sung
 - => Lệnh cùng về
 - => Nội dung ghi rõ: “Chuyển bổ sung theo Lệnh...số... ngày...tháng...năm...”
 - => Hạch toán như Lệnh mới



Ví dụ về sai thiếu





Điều chỉnh sai sót tại NHA

- Sai thừa: ST trên Lệnh > ST trên Ctừ
 - ❖ Đối với Lệnh chuyển Có
 - Lập và gửi Yêu cầu hủy Lệnh chuyển Có sang NHB
 - Trả lại tiền cho KH ngay:
 - Nợ TK 3614/người gây sai sót
 - Có TK thích hợp/KH
 - Nếu nhận được LCCó trả lại từ NHB => tất toán 3614
 - Nếu nhận được từ chối Yêu cầu hủy LCCó => quy trách nhiệm cho người gây sai sót để tất toán 3614



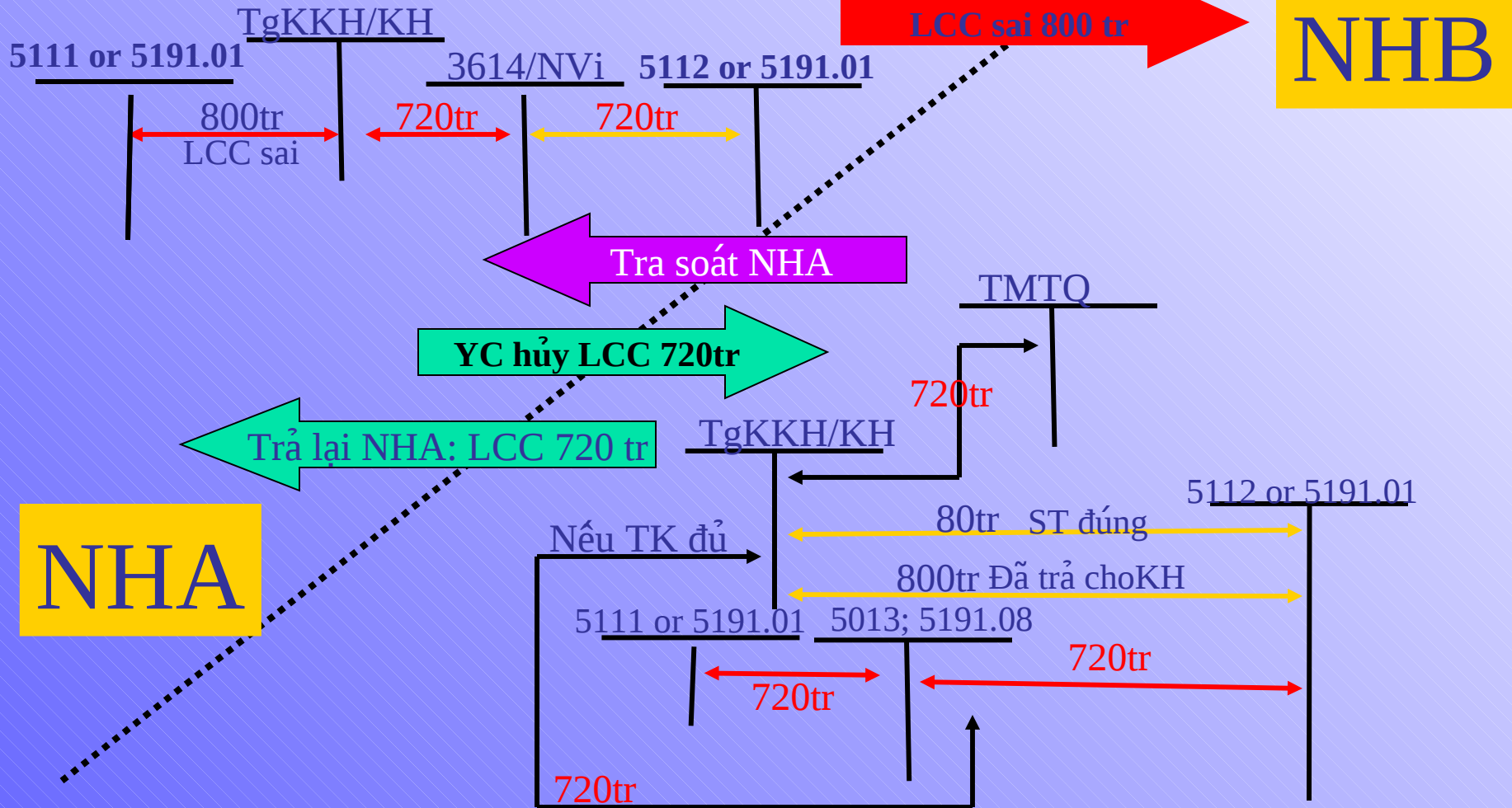
Điều chỉnh sai sót tại NHA

- ❖ Đối với Lệnh chuyển Nợ:
 - **Lập và gửi Lệnh hủy Lệnh chuyển Nợ sang NHB**
 - Nợ TK 4599/KH
 - Nợ TK 4211/KH
 - Nợ TK 3614/người gây sai sót
 - Có 5191
 - **Nếu thu được tiền từ khách hàng => tất toán 3614**
 - **Nếu không thu được tiền từ KH => quy trách nhiệm cho người gây sai sót để tất toán 3614**



Ví dụ về sai thừa

VD1: Chứng từ 80tr, - LCC 800tr





Điều chỉnh sai sót tại NHA

- Sai ngược về:
 - ❖ Lệnh chuyển Có lập thành Lệnh chuyển Nợ
 - ❖ Lệnh chuyển Nợ lập thành Lệnh chuyển Có

- Xử lý:
 - ❖ Tương tự sửa sai đối với trường hợp Sai thừa
 - ❖ *Cộng thêm bước:* Lập Lệnh mới đúng chuyển đi



Điều chỉnh sai sót tại NHB

- Sai thiếu:
 - Điện tra soát ngay NHA
 - Nhận được Lệnh bổ sung hạch toán như Lệnh mới
- Sai thừa:
 - ❖ Phát hiện trước khi hạch toán vào tài khoản của KH:
Nguyên tắc:
 - Hạch toán cho khách hàng theo số tiền Đúng
 - Số tiền chênh lệch thừa hạch toán vào TK điều chuyển vốn chờ thanh toán



Điều chỉnh sai sót tại NHB

- ❑ *Đối với Lệnh chuyển Có:*

Nợ TK 5191.01

Có TK 4211/KH

Có TK 5191.08

- Khi nhận được Yêu cầu hủy LCCó từ NHA
- Lập Lệnh chuyển Có trả lại và hạch toán:

Nợ TK 5191.08

Có TK 5191.01



Điều chỉnh sai sót tại NHB

- *Đối với Lệnh chuyển Nợ:*

Nợ TK thích hợp của KH

Nợ TK 5191.08

Có TK 5191.01

- Khi nhận được Lệnh hủy LCNợ từ NHA

- NHB hạch toán:

Nợ TK 5191.01

Có TK 5191.08



Điều chỉnh sai sót tại NHB

❖ Phát hiện sau khi đã hạch toán vào TK của KH:

□ *Đối với Lệnh chuyển Có:*

➤ Khi nhận được Yêu cầu hủy LCCó từ NHA:

➤ Nếu TK của KH đủ khả năng để thanh toán, lập LCCó trả lại NHA tiền và hạch toán:

Nợ TK 4211/KH

Có TK 5191

➤ Nếu TK của KH không đủ khả năng để thanh toán, thông báo cho KH, trong vòng 2 giờ làm việc KH nộp tiền vào TK thì hạch toán bình thường.

➤ Sau 2 giờ làm việc KH không nộp đủ tiền vào TK, NHB được quyền từ chối Yêu cầu hủy LCCó, ghi Nhập STD Yêu cầu hủy LCCó chưa thực hiện để tích cực thu hồi tiền cho NHA



Điều chỉnh sai sót tại NHB

□ **Đối với *Lệnh chuyển Nợ*:**

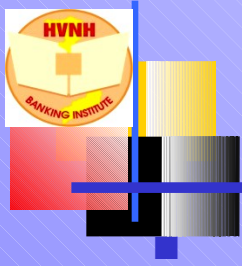
- **Khi nhận được *Lệnh hủy LCNợ* từ NHA, NHB hạch toán trả lại tiền cho KH:**

Nợ TK 5191

Có TK 4211/KH

■ **Các sai sót khác (ngoài số tiền):**

- ❖ ***Nguyên tắc*: Trả lại NHA *Lệnh* sai**
- ❖ ***Trình tự*:**
- **Tiếp nhận *Lệnh* đến vào TK 5191.08**
- **Lập *Lệnh* cùng về trả lại để tất toán TK 5191.08**



Kế toán nghiệp vụ TTBT

Khái niệm:

TTBT là phương thức thanh toán vốn giữa các NH. Qua nghiệp vụ này, các NH thực hiện thu hộ, chi hộ NH bạn và sẽ thanh toán số chênh lệch (thu hộ - chi hộ) ngay trong ngày

Ý nghĩa:

- TTBT có vai trò hết sức quan trọng giúp việc thanh toán vốn giữa các NH được nhanh chóng, sòng phẳng
- Do việc giải quyết thanh toán ngay trong ngày nên TTBT giúp cho việc giải quyết nguồn vốn nhanh, tạo điều kiện cho cả KH và NH tranh thủ nguồn vốn.
- Do việc thanh toán chỉ thực hiện phần chênh lệch nên TTBT tiết kiệm được rất nhiều chi phí: chi phí thanh toán, chi phí nguồn vốn



Kế toán nghiệp vụ TTBT

Tiến trình phát triển của TTBT:

- ❖ *Giai đoạn đầu những năm 90:*
 - Giao nhận chứng từ trực tiếp tại phiên giao dịch TTBT
 - Cơ sở pháp lý là chứng từ giấy
 - 2 nhóm chứng từ được giao nhận
- ❖ *Gần đây:*
 - Một số NH nối mạng với nhau và với NH chủ trì, truyền các Bảng kê TTBT => tổng hợp số liệu nhanh
 - Cơ sở pháp lý vẫn là chứng từ giấy
- ❖ *Hiện nay:*
 - Áp dụng TTBT điện tử: cơ sở pháp lý là chứng từ điện tử
 - Toàn bộ quy trình được thực hiện qua mạng máy tính, các đơn vị thành viên kết nối trực tiếp với máy chủ của Trung tâm TTBT để thực hiện gửi Lệnh thanh toán đi và nhận Lệnh thanh toán đến

Quy định cơ bản trong TTBT điện tử



Các bên tham gia :

- n NH chủ trì TTBT điện tử
- n Trung tâm xử lý kỹ thuật TTBT điện tử
- n NH thành viên trực tiếp tham gia TTBT điện tử
- n NH thành viên gián tiếp tham gia TTBT điện tử

Các Lệnh chuyển tiền:

- n *Lệnh chuyển Có:*
- n *Lệnh chuyển Nợ có uỷ quyền:*
- n *Lệnh Huỷ lệnh chuyển Nợ:*
- n *Yêu cầu Huỷ lệnh chuyển Có:*

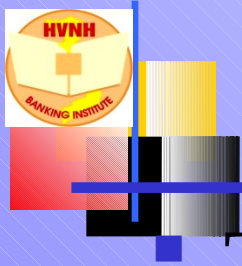
Quy định cơ bản trong TTBT điện tử

Phạm vi điều chỉnh

- Thực hiện bù trừ qua mạng máy tính với các khoản thanh toán có giá trị *dưới 500.000.000 VNĐ*.
- Tất cả các khoản *chuyển Nợ* trong thanh toán bù trừ điện tử đều *phải có uỷ quyền* trước

Nguyên tắc thanh toán trong TTBT điện tử

- NH chủ trì thực hiện xử lý bù trừ các **Lệnh** thanh toán và thanh toán kết quả thanh toán bù trừ cho NH thành viên
- Các NHTV phải chuẩn bị đầy đủ khả năng thanh toán của mình đối với tất cả các khoản phải trả cho NH khác trong TTBT điện tử.
- Trong trường hợp TKTG của NH thành viên bị thiếu khả năng chi trả xử lý như sau:
 - Nếu tại thời điểm thực hiện phiên TTBT
 - Nếu đến thời điểm quyết toán TTBT điện tử trong ngày



Tài khoản sử dụng

TK TTBT của NH chủ trì:

- **Nội dung:** Dùng để hạch toán kết quả TTBT của NH chủ trì đối với các NH thành viên tham gia

▪ **Kết cấu:**

5011

**Số chênh lệch
các NH thành
viên phải thu**

**Số chênh lệch
các NH thành
viên phải trả**

Kết thúc phiên giao dịch TTBT, tài khoản này hết số dư



Tài khoản sử dụng

Tài khoản TTBT của NH thành viên: 5012

- Tài khoản này được mở tại các NHTV tham gia TTBT
- *Nội dung*: Dùng để hạch toán toàn bộ các khoản phải TTBT với các NH khác.
 - *Kết cấu*: Tài khoản này được hạch toán theo 2 giai đoạn: TTBT đi và TTBT đến



Tài khoản sử dụng

5012

Giai đoạn TTBT đi

| | |
|--|--|
| Chi hộ (n-1) NHTV# (Các khoản phải thu) | Thu hộ (n-1) NHTV# (Các khoản phải Trả) |
|--|--|

Giai đoạn TTBT đến

| | |
|--|--|
| (n-1)NH # đã thu hộ NH mình (số tiền chênh lệch phải thu trong TTBT) | (n-1)NH # đã chi hộ NH mình (số tiền chênh lệch phải trả trong TTBT) |
|--|--|

| | |
|--|--|
| Thanh toán số chênh lệch phải trả với NHCTrì | Thanh toán số chênh lệch phải thu với NHCTrì |
|--|--|

=> Tài khoản này sau khi kết thúc TTBT phải hết số dư.

DNợ: Số chênh lệch phải thu trong TTBT chưa t.toán (hoặc) DCó: Số chênh lệch phải trả trong TTBT chưa t.toán



Chứng từ sử dụng trong TTBT điện tử

Chứng từ gốc dùng làm cơ sở lập Lệnh thanh toán: là các chứng từ thanh toán sử dụng để chuyển tiền theo quy định hiện hành (chứng từ thanh toán không dùng TM).

Chứng từ ghi số trong TTBT điện tử: là các Lệnh thanh toán và các Bảng kết quả TTBT điện tử do NHNN quy định. Lệnh thanh toán dưới dạng chứng từ điện tử phải đáp ứng các chuẩn dữ liệu do NHNN quy định.



Trước khi đi
Bù trừ

Thu hộ (n-1) Ngân hàng
thành viên còn lại: 100 tỷ

Chi hộ (n-1) Ngân hàng
thành viên còn lại: 70 tỷ

Phải trả (n-1) Ngân hàng
thành viên còn lại: 30 tỷ

Sau khi đi
bù trừ

(n-1) NH thành viên còn lại
phải trả cho NH mình: 40 tỷ

(n-1) NH thành viên khác
đã thu hộ NH mình: 120 tỷ

(n-1) NH thành viên khác
đã chi hộ NH mình: 80 tỷ

NHNN thanh
toán chênh
lệch ròng

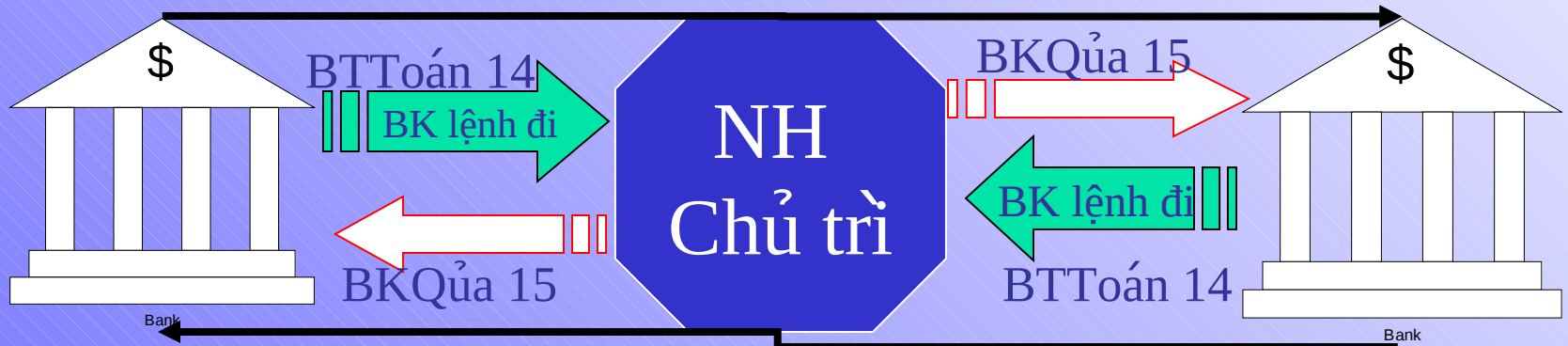
Chênh lệch ròng sau khi bù trừ: + 10 tỷ

Khoản Chênh lệch này NH chủ trì sẽ thanh toán
vào tài khoản tiền gửi tại NHNN



Quy trình thanh toán bù trừ

Bkê 12 (or lệnh Thanh toán)+ Ctừ, Các Ctừ chưa hạch toán



Bkê 12 (or lệnh Thanh toán)+Ctừ, Các Ctừ chưa hạch toán



Kế toán TTBT tại NHTV đi

TK t.hợp/KH

TK 5012

TK t.hợp/KH

Lệnh chuyển Nợ đi



(Ctử đã db k/n tto)

TK 4599/KH

Lệnh chuyển Có



đi

Nhận t.báo CNLCN



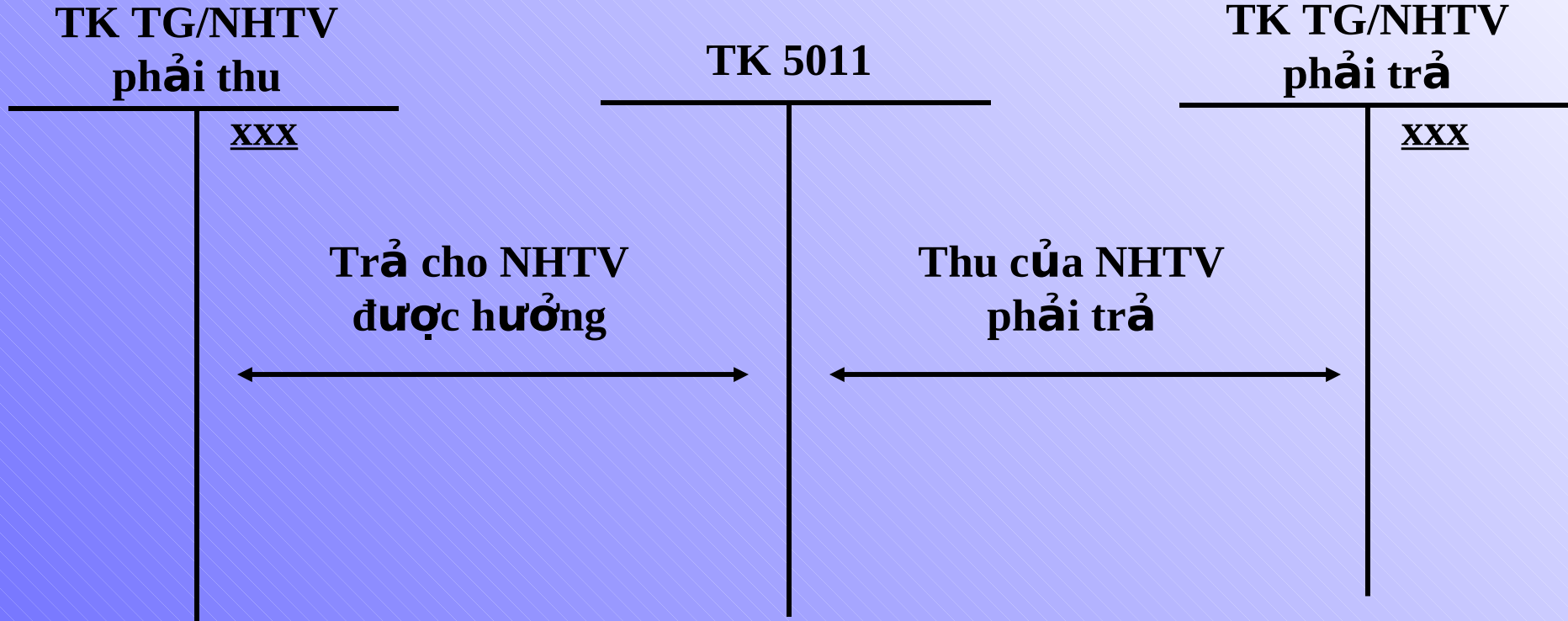
Lệnh chuyển Nợ đi



(Ctử chưa db k/n tto)



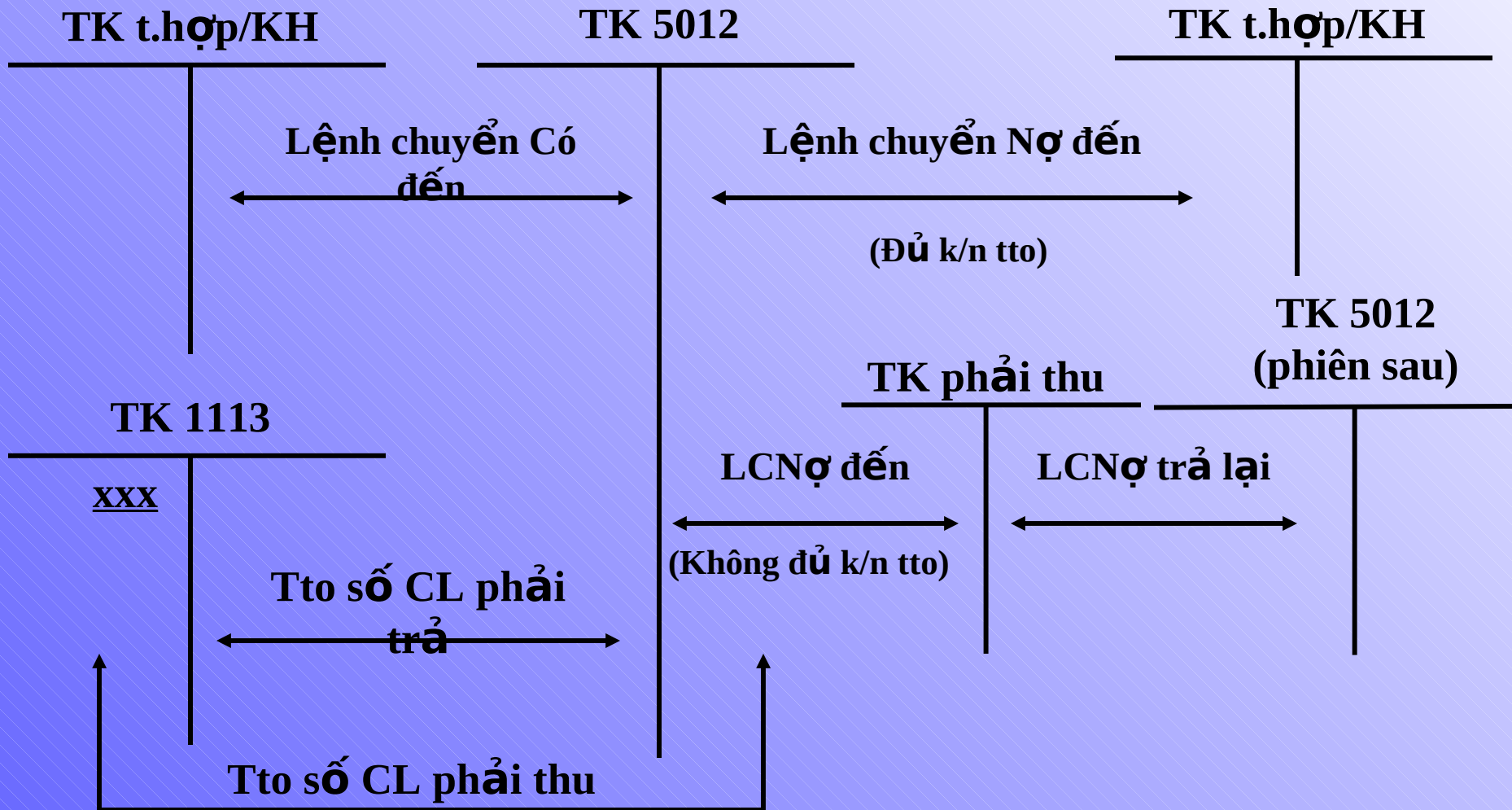
Kế toán TTBT tại NH chủ trì







Kế toán TTBT tại NHTV đến



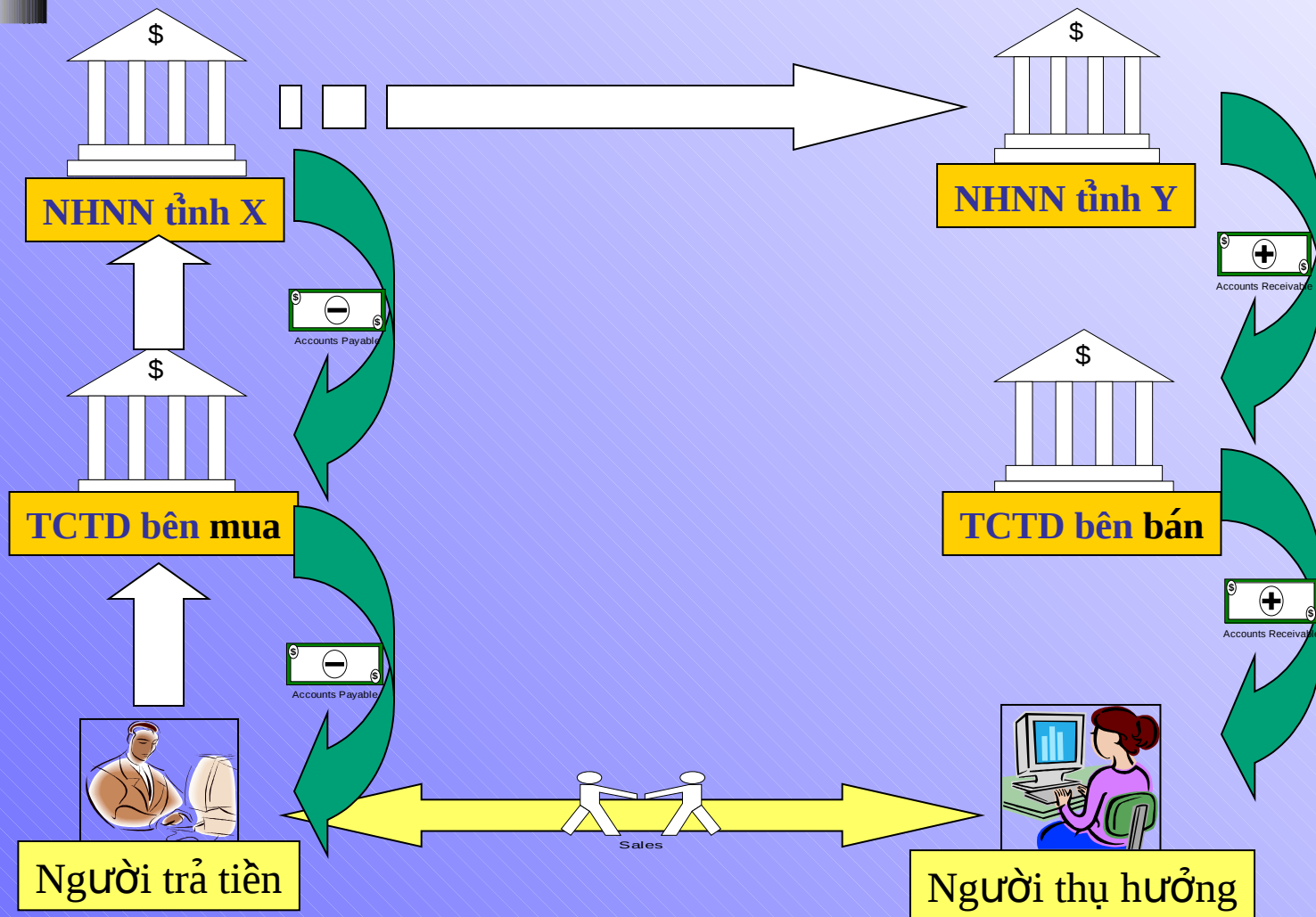


Kế toán phương thức thanh toán từng lần qua tài khoản tiền gửi tại NHNN

- Khái niệm
- Điều kiện áp dụng
- Nguyên tắc thanh toán



Quy trình thanh toán từng lần qua tài khoản tại NHNN





Sơ đồ hạch toán

NHNN tỉnh X

NHNN tỉnh Y

5111

Tiền gửi/TCTD

Tiền gửi/TCTD

5112 Tiền gửi/KH

TCTD bên mua

TCTD bên bán

Tg Tại NHNN

Tiền gửi/KH

Tiền gửi/KH

Tg Tại NHNN



Quy trình thanh toán song biên

